

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
Năm báo cáo: Năm 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102
- Vốn điều lệ: 33.810.000.000^d (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.810.000.000^d (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm Phường 7 Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08. 39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu : TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công Ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/2/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam , Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995
- Ngày 7/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/1/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Trải qua 35 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.

- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
 - Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức – nhân sự; phòng Kế hoạch – kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
 - Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.
 - Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng môi trường, phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Quản lý dự án, phòng Năng lượng tái tạo, Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 3; Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 4; Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 5; Ban Tư vấn giám sát Bàn Chát, Ban Tư vấn giám sát thủy điện Sekaman.
 - Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
- + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế)

+ Chi nhánh miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp – Tp. Nha Trang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường giây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

PECC3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực.

PECC3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý: bình quân đầu người tăng từ 15% đến 25% mỗi năm.
- Tăng trưởng lợi nhuận: tăng dần từ 7% lên 15%.
- Thực hiện được dịch vụ cho khách hàng đa dạng.
 - + Tỷ trọng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên 20%.
 - + Độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ PECC3.
- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả.
 - + Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.
 - + Quản lý dự án.
 - + Quản lý tri thức & phát triển năng lực đội ngũ.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện đời sống cho người lao động.
- Tích cực tuyên truyền vận động cộng đồng và xã hội thực hiện chính sách tiết kiệm điện và ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo.

6. Các rủi ro:

- Các sản phẩm của Công ty hiện đang có sự cạnh tranh gay gắt bởi các công ty Tư vấn trong nước và quốc tế
- Tình hình kinh tế trong nước và quốc tế đang gặp khó khăn, các dự án xây dựng cơ bản chưa được đáp ứng một cách đầy đủ về nguồn vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2013, công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh:

- Các dự án lớn không huy động được nguồn vốn thực hiện dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai và tư vấn phải chờ việc.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành điện hầu như chững lại.

- Từ khó khăn về công việc nêu trên đã dẫn đến tình hình cạnh tranh gay gắt và việc tìm kiếm hợp đồng đã trở nên vô cùng khó khăn.

a- Kế hoạch 2013

- Giá trị doanh thu kế hoạch năm 2013: 172.710 triệu đồng
 - + Trong đó: Khảo sát: 41.890 triệu đồng
 - QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC: 129.820 triệu đồng
 - Doanh thu khác/Thu nhập tài chính: 1.000 triệu đồng

b- Về doanh thu đạt được trong năm 2013:

- Giá trị doanh thu thực hiện năm 2013: 183.528 triệu đồng
 - Trong đó: Khảo sát: 43.532 triệu đồng
 - QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC: 134.573 triệu đồng
 - Thu nhập tài chính & thu nhập khác: 5.422 triệu đồng

Doanh thu đạt 106,26 % kế hoạch 2013

Kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Lợi nhuận sau thuế đạt: 10.939 triệu đồng.

c- Các chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2013	Thực hiện 2013	So sánh TH/KH
1	Vốn điều lệ	33.810	33.810	100%
2	Tổng doanh thu	172.710	183.528	106,26%
3	Lợi nhuận trước thuế	14.000	15.288	109,20%
4	Lợi nhuận sau thuế	10.500	10.939	104,19%
5	Cổ tức	15%		

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 26 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 31 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi – thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi (cơ sở 1)

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi (cơ sở 1)

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong đó 05 năm trong ngành điện

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc – Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm , Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đăk Lăc;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá bàn tỉnh Khánh Hòa

d) Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Quá trình công tác: 23 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó Trưởng phòng Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính –Kế toán

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: Tp. HCM

Học vị: Cao đẳng kinh tế.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Quá trình công tác: 19 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Có sự thay đổi Phó Tổng giám đốc; ông Nguyễn Trí Trinh thay thế ông Đỗ Quốc Toàn nghỉ hưu trí
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
- + Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2013 là: 527 người;
- + Các chế độ, chính sách đối với người lao động hiện đang áp dụng như đối với Công ty Nhà nước;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đang tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế và Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình với số vốn góp đến thời điểm 31/12/2013 lần lượt là 3,15 tỷ đồng và 2,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn mua 43.600 cổ phiếu của CHP (Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam) với giá trị là 220,79 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính (P.TCKT đã cập nhật)

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	188.238	197.507	104,92%
Doanh thu thuần	192.567	178.105	92,49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.317	13.376	77,24%
Lợi nhuận khác	(1.179)	1.912	162,17%
Lợi nhuận trước thuế	16.138	15.288	94,73%
Lợi nhuận sau thuế	12.144	10.940	90,09%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn :	1,26	1,29	

TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh : (TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,08	1,13	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,00	2,00	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho :	8,65	8,27	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
+ Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,02	0,90	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,31%	6,14%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,35%	16,22%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,45%	5,54%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,99%	7,51%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 3.381.000 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 20.21%
- Tôn Thất Hùng: 14.28%
- Phạm Văn Thuận: 14.28%

(Từ ngày 01/2/2013 ông Đỗ Tiến Hùng nghỉ hưu trí và ENV cử người thay thế là ông Phạm Văn Thuận. HĐQT Công ty đã có nghị quyết số 0027/NQ-HĐQT ngày 07/2/2013 thống nhất vấn đề này.)

b) Cơ cấu cổ đông:

Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

- Vốn điều lệ công ty: 33.810,00 triệu đồng
- Trong đó vốn nhà nước (EVN): 16.491,57 triệu đồng
- Vốn của Tổng Công ty điện lực TP. HCM: 4.221,39 triệu đồng

- Vốn của các cổ đông khác:

13.097,04 triệu đồng

Cổ đông thành viên góp vốn nước ngoài

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	115
Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	115
Yamazaky Atsushi	ISO469	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	Japan	100
America LLC	CA5883	PO Box CR -56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas	St Kitts and Nevis	32.300
Maybank Kim Eng Securities	CS2385	50 Noth Canal Road, 306-00 Singapore 059304	Singapore	11.200

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2013 không có sự thay đổi của vốn đầu tư của chủ sở hữu
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện nay số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là 14 cổ phiếu và trong năm 2013 không có giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện.
- e) Các chứng khoán khác: trong năm 2013 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không phát hành thêm chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2013, bên cạnh những thuận lợi như các công việc từ năm 2012 chuyển sang công ty gặp rất nhiều bất lợi trong công tác kinh doanh:

- Do tình hình kinh tế khó khăn, nên các dự án lớn không huy động được nguồn vốn thực hiện dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai và tư vấn phải chờ việc.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành điện hầu như chững lại.
- Từ khó khăn về công việc nêu trên đã dẫn đến tình hình cạnh tranh gay gắt và việc tìm kiếm công việc làm đã trở nên vô cùng khó khăn.

Mặc dù có vô vàn những khó khăn trên, Công ty đã cố gắng nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch các mục tiêu nhiệm vụ đề ra của kế hoạch năm 2013.

2. Những thành quả nổi bật đã đạt được:

- a) Nhiệt điện:

- Nhà máy điện Nghi Sơn 1: năm 2013, PECC3 đã cùng với các tư vấn nước ngoài J-Power Nhật bản, Colenco Thụy Sĩ, giúp EVN giám sát và quản lý dự án gói thầu EPC nhà máy chính đúng theo tiến độ đề ra. Đã đưa vào vận hành 2 tổ máy của NB Nghi Sơn.
- Hoàn thành khảo sát địa chất khoan biển dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 giai đoạn 2. Hiện đang phối hợp các bên nghiệm thu công tác khảo sát kỹ thuật.
- Hoàn thành công tác giám sát thi công và khánh thành Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê 2x200MW khánh thành vào tháng 4/2013.
- Cơ sở hạ tầng TTĐL Duyên Hải, Công ty đã và đang phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư, Ban quản lý và nhà thầu thi công phê duyệt một khối lượng lớn các BVTC, thực hiện giám sát thi công, đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng thi công các công trình này.
- Hoàn thành DAĐT Nhiệt điện Duyên Hải 3 MR đã đệ trình lên các cấp thẩm quyền thẩm tra. Chủ đầu tư đã phê duyệt.
- Hoàn thành DAĐT Nghi Sơn 2 vào tháng 12/2013 đệ trình tổ hợp nhà đầu tư Marubeni/KEPCO. Chủ đầu tư xem xét và trình lên các cơ quan có thẩm quyền để triển khai.
- Hoàn thành quy hoạch địa điểm Trung tâm Điện lực Quảng Trị được Bộ Công Thương phê duyệt tháng 7/2013. Hiện nay, Công ty đang đàm phán với Chủ đầu tư để triển khai lập dự án đầu tư.
- Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác giám sát dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 đã khởi công vào tháng 12/2012. Tham gia đàm phán hợp đồng với nhà thầu EPC về việc thay đổi nguồn và thông số nhiên liệu than vào tháng 9/2013.
- Hoàn thành công tác tư vấn Phương án vận chuyển than, hồ sơ mời thầu cung cấp than, hồ sơ mời thầu vận chuyển than cho Nhà máy điện Duyên Hải 3 hiện tại công tác này đã trình HĐTV EVN xem xét phê duyệt.
- Lập hồ sơ mời thầu EPC và hỗ trợ Chủ đầu tư thương thảo hợp đồng với nhà thầu EPC dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Chủ đầu tư đã ký hợp đồng EPC ngày 23/12/2013. Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công, hồ sơ mời thầu cho công tác san lấp mặt bằng nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự kiến dự án sẽ khởi công vào quý I/2014. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện công tác Tư vấn giám sát và hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án.
- Công ty đang xúc tiến tìm kiếm và liên hệ với các Chủ đầu tư các dự án điện tại Việt Nam để bày tỏ sự quan tâm, gửi bản chào và đàm phán các hợp đồng đối với các dự án nhiệt điện.

b) Thủy điện:

- Triển khai giám sát thi công dự án thủy điện Đồng Nai 5 150MW do Điện lực TKV làm chủ đầu tư.
- Ký kết hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thủy điện Xêkaman 1 – Lào, Công ty đã triển khai bộ máy tư vấn giám sát tại công trường Xêkaman 1 từ tháng 6/2013 – dự kiến thời gian thực hiện hoàn thành đến 2016.
- Dự án thủy điện Sông Bung 2 đang thiết kế bản vẽ thi công cấp cho Chủ đầu tư triển khai theo tiến độ. Thực hiện công tác giám sát tác giả và xử lý các vướng mắc trong quá trình thi công tại hiện trường.
- Công trình thủy điện Sông Giang 2 – 37 MW: Công ty đã cơ bản hoàn thành TKBVTC-DT cho toàn bộ công trình và thực hiện tốt công tác giám sát tác giả, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

- Tiếp tục hỗ trợ các Chủ đầu tư hoàn thiện công tác quyết toán các công trình thủy điện Bản Chát, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4 đã được đóng điện vận hành an toàn ổn định.

c) Về lưới điện:

- Giải trình và được phê duyệt hồ sơ TKKT dự án đường dây 500kV TTĐL Long Phú – Ô Môn;
- Tư vấn Chủ đầu tư về việc chuyển đổi điểm đầu nối của đường dây 500kV Sông Hậu – Mỹ Tho thành 500KV Sông Hậu – Đức Hòa để triển khai hoàn thành Dự án đầu tư trong quý I – 2014.
- Hoàn thành giải trình và được phê duyệt DADT đường dây 500KV Sông Mây – Tân Uyên và trạm biến áp 500KV Tân Uyên vào tháng 12/2013.
- Hoàn thành bản vẽ thi công, giám sát tác giả và đóng điện các đường dây 500KV Phú Mỹ - Sông Mây và Sông Mây – Tân Định và Trạm biến áp 500KV Sông Mây vào tháng 9/2013.
- Hoàn thành bản vẽ thi công đường dây 500KV Quảng Ninh – Hiệp Hòa, Bắc Ninh 2 – Phố Nối.
- Hoàn thành dự án đầu tư Trạm 500KV Mỹ Phước vào tháng 12/2013.
- Hoàn thành TKKT Trạm biến áp 220KV Mỹ Xuân đã đệ trình Chủ đầu tư phê duyệt
- Hoàn thành và được phê duyệt DADT Đường dây 220KV Nam Sài Gòn – Quận 8 và Trạm biến áp 220KV Quận 8.
- Hoàn thành DADT các dự án mạch 2 đường dây 220KV Cai Lậy – Cao Lãnh và Cao Lãnh - Thốt Nốt được Chủ đầu tư phê duyệt.
- Đang triển khai lập DADT đường dây 220KV Bình Phước – Tân Sơn Nhất và Trạm 220KV Tân Sơn Nhất.
- BVTC đường dây 220KV Bến Tre – Mô Cày; Trạm 220KV Mô Cày, Trạm 220KV Bắc Ninh 2, Trạm 220KV Đức Trọng, Trạm 220KV Phan Thiết ...
- Hoàn thành DADT NCS các trạm biến áp 220KV Huế, Việt Trì, Nghi Sơn, Nam Định.

d) Dự án Năng lượng tái tạo:

- Hoàn thành dự án đầu tư Phong điện Hòa Thắng GD 1 (49MW) cho Chủ đầu tư là TCT Điện lực dầu khí.
- Hoàn thành DADT dự án điện gió Lợi Hải – Giai đoạn 1.
- Hoàn thành TKKT dự án điện gió Phú Lạc.
- Hoàn thành và được phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Ninh Thuận.
- Hoàn thành quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bạc Liêu.
- Hoàn thành công tác khảo sát lập dự án đầu tư điện gió Mũi Dinh – Ninh Thuận.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng chủ yếu là tài sản bằng tiền và tương đương tiền, tiền và tương đương tiền tăng do được khách hàng thanh toán cuối năm.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả cuối năm tăng 4% số với đầu năm do doanh thu phát sinh nhiều trong tháng 12/2013 đã làm các khoản phải trả về thuế và các khoản chi phí phải trả tương ứng với doanh thu hạch toán tăng.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Dự án “cải tiến hệ thống quản lý và xây dựng hệ thống lương của Công ty” được triển khai từ tháng 10 năm 2012 và kết thúc nhận chuyển giao vào tháng 12 năm 2013 với mục tiêu sử dụng hiệu quả lao động và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao của Công ty

- Kiến toàn tổ chức Xí nghiệp Khảo sát để sản xuất kinh doanh của toàn công ty được hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng tư vấn và phát triển thương hiệu.
- Công ty đã xây dựng chiến lược trong ngắn và trung hạn:

* Các mục tiêu chiến lược 2013 – 2017:

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý: bình quân đầu người tăng từ 15% đến 25% mỗi năm.
- Tăng trưởng lợi nhuận: tăng dần từ 7% lên 15%.
- Thực hiện được dịch vụ cho khách hàng đa dạng.
- + Tỷ trọng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên 20%.
- + Độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ PECC3.
 - Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
 - Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả.
- + Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.
- + Quản lý dự án.
- + Quản lý tri thức & phát triển năng lực đội ngũ.

c) Sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý cho phù hợp:

Thành lập mới: Phòng Năng lượng tái tạo; Phòng Quản lý dự án; Phòng Công nghệ thông tin.

Tách, nhập và điều chuyển:

- Phòng Máy tính Môi trường: tách thành 02 phòng Phòng Công nghệ thông tin và Phòng Môi trường.
 - Phòng Dự án lưới: sáp nhập bộ phận Quy hoạch về Phòng Thiết kế đường dây, và thành lập Phòng năng lượng tái tạo.
 - Phòng Kinh tế dự toán: sáp nhập và điều chuyển nhân sự về Phòng Thiết kế thủy điện và Phòng Nhiệt điện & điện hạt nhân.
 - Phòng Cơ điện: chuyển thành Phòng Quản lý dự án
 - Đoàn Thiết kế điện miền Bắc: Giải thể, một số nhân sự sáp nhập về phòng Thiết kế thủy điện.
 - Phòng Kỹ thuật khảo sát: Chuyển về CN Xí nghiệp khảo sát & xây dựng điện.
- Xây dựng quy chế trả lương theo phương pháp 3P (năng lực, vị trí, hiệu quả công việc). Theo đó cơ chế lao động tiền lương gắn liền với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, thực sự khuyến khích nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, Người lao động được hưởng theo vị trí, năng lực và hiệu quả làm việc.
 - Thiết lập BSC và hệ thống mục tiêu năm của Công ty, các đơn vị
 - Ban hành và áp dụng các Quy chế, Quy định mới, cụ thể:
 - ✓ Quy chế lương

- ✓ Từ điển năng lực
- ✓ Quy chế đánh giá hiệu quả công việc
- ✓ Quy định chức năng nhiệm vụ trong Công ty

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Tăng cường các mối quan hệ với các Sở Công thương các tỉnh để ký hợp đồng thực hiện công tác tư vấn quy hoạch phát triển điện lực huyện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn nguồn điện với khách hàng lớn là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, các Tổng Công ty Phát Điện.
- Phối hợp với các đơn vị xây lắp và cung cấp thiết bị để thực hiện các dự án EPC trong nước cũng như các nước trong khu vực.
- Phát triển thành công sản phẩm là dịch vụ tư vấn mua và vận chuyển nhiên liệu than cho nhà máy nhiệt điện
- Thực hiện đa dạng loại dịch vụ cung cấp cho đa dạng khách hàng, tỷ trọng khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên, tăng độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ của TVĐ3. Mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào và Campuchia.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế. Đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ kỹ sư. Công ty sẽ đăng ký và được công nhận 20 kỹ sư tiêu chuẩn ASIAN.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả: phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức và phát triển năng lực đội ngũ.
- Doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng hợp lý.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có giải trình (Công ty kiểm toán chấp nhận toàn phần)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013 là năm hoạt động thứ 6 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a- Thuận lợi:

- Năm 2013 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2012, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH 2013.

b- Khó khăn:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..

- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHĐCĐ năm 2013 thông qua.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2013.
- Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng. Kết quả doanh thu năm 2013 là: 183.528 triệu đồng đạt 106,26 % kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là :10.939 triệu đồng đạt 104,19% kế hoạch.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2014, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2014.

b) Các hoạt động khác:

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo Công ty nghiên cứu các phương án để đầu tư và/hoặc sử dụng có hiệu quả khu đất tại Quận 2, TP.HCM, khu đất tại Đà Nẵng.
- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. **Quản trị công ty**

1. **Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Ông Thái Tuấn Tài:** Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty

cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 20,21% vốn điều lệ của công ty

- **Ông Phạm Văn Thuận:** Thành viên Hội đồng quản trị, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 14,28% vốn điều lệ của công ty.

(Từ ngày 01/2/2013 ông Đỗ Tiến Hùng nghỉ hưu trí và ENV cử người thay thế là ông Phạm Văn Thuận. HĐQT Công ty đã có nghị quyết số 0027/NQ-HĐQT ngày 07/2/2013 thống nhất vấn đề này.)

- **Tôn Thất Hùng:** Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm phó Tổng Giám đốc công ty, là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 14,28% vốn điều lệ của công ty
- **Nguyễn Phú Gia:** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- **Lê Văn Thu:** Thành viên Hội đồng quản trị, là người đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với tỷ lệ cổ phần là 12,48% vốn điều lệ của công ty. Hiện nay ông Thu đang nắm giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính kế toán, kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh.

e) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	04	100%	
3	Ông Đỗ Tiến Hùng	Ủy viên HĐQT	01	25%	Thôi giữ chức từ ngày 01/2/2013
4	Ông Lê Văn Thu	Ủy viên HĐQT	03	75%	
5	Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	04	100%	

6	Phạm Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	01	25%	Giữ chức từ ngày 01/2/2013
---	----------------	-----------------	----	-----	-------------------------------

f) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0012 /NQ-HĐQT	23/ 01/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chiến lược phát triển Công ty. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. - Thông qua đơn giá tiền lương năm 2013. - Thông qua việc sửa đổi quy chế lương. - Thông qua việc trình ĐHCĐ sửa đổi một số điều trong Điều lệ Công ty
2	0041/NQ-HĐQT	29 /03 /2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch và các nội dung của ĐHCĐ thường niên năm 2013. - Quyết toán quỹ tiền lương năm 2013. - Thông qua sơ đồ tổ chức Công ty giai đoạn 2013-2017 và sau 2017.
3	0115/NQ-HĐQT	21/06/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán năm 2013 cho Công ty - Thông qua việc sửa đổi một số quy trình, quy chế của Công ty - Bỏ nhiệm ông Nguyễn Trí Trinh giữ chức vụ Phó TGD Công ty từ ngày 01/7/2013 thay thế ông Đỗ Quốc Toàn nghỉ hưu theo chế độ. - Bầu bà Nguyễn Minh Hiếu vào Ban KS từ ngày 01/7/2013 thay thế ông Nguyễn Chí Hoàng
4	0173/NQ-HĐQT	03/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quy chế lương - Thông qua hợp đồng dịch vụ tư vấn số 783/HĐTV-AND3-TV3

g) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

h) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

i) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chi	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 1-7-2013)	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
2	Trương Thị Anh Đào	Thành viên BKS	024654756	18D4 Phan Chu Trinh, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	1.127	0,033%
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	021862015	383B/37 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.I, Tp.HCM	3.450	0,102%

b) Hoạt động Ban kiểm soát

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 18-04-2013.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2013 và báo cáo tài chính cả 2013.
- Triển khai thực hiện các 03 đợt kiểm soát :

+ Đợt 1: Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2013 (từ ngày 19/8 đến ngày 21/8/2013), tại trụ sở Công ty, với các nội dung:

1. Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2013.
2. Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013.
3. Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2013.

4. Các nội dung khác như: Việc cải tiến hệ thống quản lý và quy chế phân phối tiền lương; Việc góp vốn và lợi nhuận thu được do đầu tư các công ty khác; Phương án để đầu tư và sử dụng có hiệu quả khu đất tại Quận 2, TP.HCM; Việc xây dựng lán trại tại Duyên Hải, Trà Vinh để phục vụ công tác xây dựng nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải,...
- + Kiểm soát hoạt động 9 tháng đầu năm 2013 của Chi nhánh Công ty CP Tư vấn xây dựng điện – Chi nhánh miền Trung với các nội dung
1. Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2013.
 2. Xem xét công tác tài chính kế toán 9 tháng năm 2013.
 3. Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,... các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.
- + Kiểm soát hoạt động năm 2013 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện, với các nội dung:
1. Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2013.
 2. Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2013.
 3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013.
 4. Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2013; Thu nhập của HDQT và BKS năm 2013; Tình hình ĐTXD và sửa chữa lớn; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ, Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị, Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 21/8/2013,...

b) Các biên bản của Ban Kiểm soát

l	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	20/06/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2013. - Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013. - Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2013. - Các nội dung khác như: Việc cải tiến hệ thống quản lý và quy chế phân phối tiền lương; Việc góp vốn và lợi nhuận thu được do đầu tư các công ty khác; Phương án để đầu tư và sử dụng có hiệu quả khu đất tại Quận 2, TP.HCM; Việc xây dựng lán trại tại Duyên Hải, Trà Vinh để phục vụ công tác xây dựng nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải,...

2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 – Chi nhánh miền Trung	27/12/2013	<p>Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013.</p> <p>Xem xét công tác tài chính kế toán 9 tháng đầu năm 2013.</p> <p>Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.</p>
3	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	19/03/2014	<p>- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2013.</p> <p>- Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2013.</p> <p>- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013.</p> <p>- Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2013; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2013; Tình hình ĐTXD và sửa chữa lớn; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ, Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị, Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 21/8/2013,...</p>

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát phát sinh tại Công ty như sau:

❖ Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 467.765.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 384.130.000 đồng
- Ông Phạm Văn Thuận – UV HĐQT: 57.834.000 đồng
- Ông Lê Văn Thu – UV HĐQT: 69.400.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 69.400.000 đồng

❖ Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 349.078547 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 319.780.000 đồng

❖ Ban Kiểm soát:

- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Trưởng Ban kiểm soát: 30.157.000 đồng

- Bà Trương Thị Anh Đào – Thành viên kiêm nhiệm: 174.619.865 đồng
 - Ông Phạm Duy Hải – Thành viên kiêm nhiệm: 265.896.219 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2013 không có giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2013 không có hợp đồng giao dịch với các cổ đông nội bộ
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính»

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-ĐN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		167,581,747,963	158,264,817,082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	54,815,444,779	23,885,713,980
1. Tiền	111		42,950,536,896	9,814,725,580
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,864,907,883	14,070,988,400
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84,975,824,373	104,987,687,099
1. Phải thu khách hàng	131		77,014,076,277	105,595,111,823
2. Trả trước cho người bán	132		14,724,708,915	5,687,128,566
3. Các khoản phải thu khác	135		326,979,050	326,870,811
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7,089,939,869)	(6,621,424,101)
III. Hàng tồn kho	140	6	20,809,285,499	22,264,593,924
1. Hàng tồn kho	141		20,809,285,499	22,264,593,924
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,981,193,312	7,126,822,079
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		160,326,302	108,291,490
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	6,820,867,010	7,018,530,589
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		29,924,962,005	29,973,094,382
I. Tài sản cố định	220		21,943,105,591	23,452,735,862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9,192,891,019	10,727,817,306
- Nguyên giá	222		33,299,861,804	36,547,420,184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24,106,970,785)	(25,819,602,878)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12,040,107,435	12,413,728,276
- Nguyên giá	228		14,352,403,711	16,030,208,411
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,312,296,276)	(3,616,480,135)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		710,107,137	311,190,280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,770,790,000	4,670,790,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	5,770,790,000	4,670,790,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2,211,066,414	1,849,568,520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,058,066,414	1,696,568,520
2. Tài sản dài hạn khác	268		153,000,000	153,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		197,506,709,968	188,237,911,464

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		130,054,258,986	125,491,580,126
I. Nợ ngắn hạn	310		130,054,258,986	125,491,580,126
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	300,000,000	3,288,826,179
2. Phải trả người bán	312		2,769,756,325	4,652,797,533
3. Người mua trả tiền trước	313		45,751,363,925	38,898,660,011
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12,401,434,040	11,491,685,373
5. Phải trả người lao động	315		46,447,482,586	38,648,386,149
6. Chi phí phải trả	316		8,241,152,343	10,756,779,287
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	12,835,927,800	15,843,512,527
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,307,141,967	1,910,933,067
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		67,452,450,982	62,746,331,338
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	67,452,450,982	62,746,331,338
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33,810,000,000	33,810,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45,000,000	45,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140,000)	(140,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17,267,005,929	13,043,345,835
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,866,059,240	3,704,059,240
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11,464,525,813	12,144,066,263
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		197,506,709,968	188,237,911,464

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu gộp về cung cấp dịch vụ	01		178,105,197,456	192,566,931,517
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		178,105,197,456	192,566,931,517
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		137,237,037,324	149,228,354,862
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40,868,160,132	43,338,576,655
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1,248,369,669	1,134,684,817
6. Chi phí tài chính	22	18	190,619,547	391,963,496
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		105,950,460	388,675,361
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28,550,005,126	26,764,649,583
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		13,375,905,128	17,316,648,393
9. Thu nhập khác	31		4,174,465,471	795,059,563
10. Chi phí khác	32		2,262,189,505	1,973,635,870
11. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40	19	1,912,275,966	(1,178,576,307)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15,288,181,094	16,138,072,086
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	20	4,348,582,450	3,994,005,823
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10,939,598,644	12,144,066,263
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	3,236	3,437

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	15,288,181,094	16,138,072,086
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,869,864,899	1,775,690,330
Các khoản dự phòng	03	468,515,768	1,975,074,288
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	76,110,924	(524,927,169)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(975,764,306)	(598,733,377)
Chi phí lãi vay	06	105,950,460	388,675,361
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay vốn lưu động</i>	08	16,832,858,839	19,153,851,519
Thay đổi các khoản phải thu	09	19,733,625,037	(26,657,774,761)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2,405,664,586	7,710,564,511
Thay đổi các khoản phải trả	11	11,453,941,356	11,514,049,665
Thay đổi chi phí trả trước	12	(361,497,894)	389,048,764
Tiền lãi vay đã trả	13	(105,950,460)	(388,675,361)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,395,086,312)	(3,746,244,832)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,100,000	132,382,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,807,591,100)	(4,086,991,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43,758,064,052	4,020,210,005
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1,369,985,493)	(2,445,582,500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	(130,642,314)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1,100,000,000)	(100,000,000)
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1,111,255,869	598,733,377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,489,371,938)	(1,946,849,123)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	9,261,727,846
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,988,826,179)	(8,948,686,761)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(8,269,074,900)	(3,453,048,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11,257,901,079)	(3,140,006,915)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	31,010,791,035	(1,066,646,033)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23,885,713,980	24,946,433,456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-81,060,236	5,926,557
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	54,815,444,779	23,885,713,980

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 0 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 54.545.455 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm không bao gồm 3.811.509.100 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 7.009.105.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 527 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 620 người).

Công ty có hai đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng ;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình xây dựng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;

- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp; giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập hồ sơ: đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình;
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam “VND”, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo của văn phòng Công ty và các đơn vị kế toán trực thuộc. Giao dịch và số dư nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ

phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

6. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

7. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

8. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	10,969,260	191,644,695
Tiền gửi ngân hàng	42,939,567,636	9,623,080,885
Các khoản tương đương tiền	11,864,907,883	14,070,988,400
	54,815,444,779	23,885,713,980

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất 6%/năm cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,25%/năm cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ và lãi suất 1,2%/năm cho khoản tiền gửi bằng đồng Euro.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	151,227,395	153,386,164
Công cụ, dụng cụ	1,786,197	2,808,017
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20,656,271,907	22,108,399,743
	20,809,285,499	22,264,593,924

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các dự án.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	7.737,893,922	11,577,639,196	13,698,453,332	3,533,433,734	36,547,420,184
Tăng trong năm	-	135,823,181	-	32,700,000	168,523,181
Thanh lý	-	(73,834,458)	(337,031,455)	-	(410,865,913)
Phân loại lại (*)	-	(1,811,894,061)	(312,497,772)	(880,823,815)	(3,005,215,648)
Tại ngày 31/12/2013	7,737,893,922	9,827,733,858	13,048,924,105	2,685,309,919	33,299,861,804
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	2,416,634,970	9,193,685,633	11,275,350,883	2,933,931,392	25,819,602,878
Khấu hao trong năm	321,642,000	509,422,565	404,938,508	243,530,860	1,479,533,933
Thanh lý	-	(73,834,458)	(332,182,206)	-	(406,016,664)
Phân loại lại (*)	-	(1,709,169,929)	(225,185,213)	(851,794,220)	(2,786,149,362)
Tại ngày 31/12/2013	2,738,276,970	7,920,103,811	11,122,921,972	2,325,668,032	24,106,970,785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	4,999,616,952	1,907,630,047	1,926,002,133	359,641,887	9,192,891,019
Tại ngày 31/12/2012	5,321,258,952	2,383,953,563	2,423,102,449	599,502,342	10,727,817,306

(*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết

chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 14.574.651.453 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 14.960.216.087 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	11,928,525,992	1,740,117,698	2,361,564,721	16,030,208,411
Tăng trong năm	-	748,000,000	-	748,000,000
Phân loại lại (*)	-	(64,239,979)	(2,361,564,721)	(2,425,804,700)
Tại ngày 31/12/2013	<u>11,928,525,992</u>	<u>2,423,877,719</u>	<u>-</u>	<u>14,352,403,711</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	528,384,717	1,671,156,586	1,416,938,832	3,616,480,135
Khấu hao trong năm	97,061,604	76,792,596	216,476,766	390,330,966
Phân loại lại (*)	-	(61,099,227)	(1,633,415,598)	(1,694,514,825)
Tại ngày 31/12/2013	<u>625,446,321</u>	<u>1,686,849,955</u>	<u>-</u>	<u>2,312,296,276</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>11,303,079,671</u>	<u>737,027,764</u>	<u>-</u>	<u>12,040,107,435</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>11,400,141,275</u>	<u>68,961,112</u>	<u>944,625,889</u>	<u>12,413,728,276</u>

(*) Phân loại lại thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.574.877.719 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 1.628.517.698 đồng).

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3,150,000,000	3,150,000,000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	2,400,000,000	1,300,000,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220,790,000	220,790,000
	<u>5,770,790,000</u>	<u>4,670,790,000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn vào:

- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình với tỷ lệ góp vốn là 8,16% vốn điều lệ;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung với tỷ lệ 0,036% vốn điều lệ;

Hiện tại, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có khoản tổn thất đáng kể nào đối với khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung dựa trên

kết quả hoạt động kinh doanh của công ty này. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay tín chấp từ các nhân viên Công ty theo các Hợp đồng huy động vốn số 05/HĐHĐV-2013 ngày 15 tháng 9 năm 2013, số 06/HĐHĐV-2013 ngày 15 tháng 9 năm 2013. Thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất là 6,5%/năm. Công ty hoàn trả nợ gốc và thanh toán lãi vay vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	8,978,701,120	7,932,018,025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,371,549,838	3,418,053,700
Thuế thu nhập cá nhân	51,183,082	141,613,648
	<u>12,401,434,040</u>	<u>11,491,685,373</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo từng loại thuế trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	7,932,018,025	14,429,209,804	13,382,526,709	8,978,701,120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,418,053,700	4,348,582,450	4,395,086,312	3,371,549,838
Thuế thu nhập cá nhân	33,322,158	2,085,453,576	2,227,918,954	(109,143,220)
Tiền thuê đất, thuê nhà đất	-	4,671,014	4,671,014	-
Thuế khác	-	1,471,817,340	1,471,817,340	-
Các khoản nộp phạt	-	447,974,076	447,974,076	-
	<u>11,383,393,883</u>	<u>22,787,708,260</u>	<u>21,929,994,405</u>	<u>12,241,107,738</u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	108,291,490			160,326,302
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước		11,491,685,373		12,401,434,040

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	2,347,728,358	3,643,109,270
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	74,610,891	144,557,701
Cổ tức phải trả	3,811,509,100	7,009,105,000
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	2,833,197,436	2,758,798,002
Phải trả khác	3,768,882,015	2,287,942,554
	<u>12,835,927,800</u>	<u>15,843,512,527</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

31/12/2013	31/12/2012
------------	------------

	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>3.380.986</u>	<u>3.380.986</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty năm 2013 và 2012 là 33.810.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	4.221.390.000	12,49
Cổ đông khác	13.097.040.000	38,73
Tổng cộng	<u>33.810.000.000</u>	<u>100,00</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	33,810,000,000	45,000,000	(140,000)	654,377,899	5,979,250,722	2,519,059,240	17,411,067,113	60,418,614,974
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(654,377,899)	-	-	-	(654,377,899)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12,144,066,263	12,144,066,263
Trích lập quỹ	-	-	-	-	7,064,095,113	1,275,000,000	(10,649,095,113)	(2,310,000,000)
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(90,000,000)	-	(90,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6,761,972,000)	(6,761,972,000)
Tại ngày 31/12/2012	33,810,000,000	45,000,000	(140,000)	-	13,043,345,835	3,704,059,240	12,144,066,263	62,746,331,338
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10,939,598,644	10,939,598,644
Trích lập quỹ	-	-	-	-	4,223,660,094	1,162,000,000	(6,547,660,094)	(1,162,000,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5,071,479,000)	(5,071,479,000)
Tại ngày 31/12/2013	33,810,000,000	45,000,000	(140,000)	-	17,267,005,929	4,866,059,240	11,464,525,813	67,452,450,982

Theo Nghị quyết số 075/NQ-TVĐ3-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức năm 2012 với số tiền là 5.071.479.000 đồng, trong đó 40.844.775 đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt, 5.030.634.225 đồng đã được thanh toán qua ngân hàng tính đến 31 tháng 12 năm 2013.

- Trích lập các quỹ Đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 4.223.660.094 đồng, 1.162.000.000 đồng và 1.162.000.000 đồng.

19. **BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế điện và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

20. **CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,986,971,273	1,959,945,511
Chi phí nhân công	103,700,939,672	102,869,675,167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,869,864,899	1,775,690,330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47,218,186,756	56,861,281,334
Chi phí khác	7,277,555,299	7,641,396,486
	<u>162,053,517,899</u>	<u>171,107,988,828</u>

21. **DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1,089,455,869	598,733,377
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	524,927,169
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	137,113,800	11,024,271
Cổ tức nhận được	21,800,000	-
	<u>1,248,369,669</u>	<u>1,134,684,817</u>

22. **CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay	105,950,460	388,675,361
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,558,163	3,288,135
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	76,110,924	-
	<u>190,619,547</u>	<u>391,963,496</u>

23. LỢI NHUẬN/ (LỖ) TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	130,642,314	-
Lương khoản chi trả thừa của những năm trước	-	401,272
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	772,089,080
Thu khác	4,043,823,157	22,569,211
	<u>4,174,465,471</u>	<u>795,059,563</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	4,849,249	-
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và chi phí sau nghiệm thu	1,810,561,017	1,550,427,209
Phạt do chậm tiến độ	-	246,810,486
Chi khác	446,779,239	176,398,175
	<u>2,262,189,505</u>	<u>1,973,635,870</u>
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	<u>1,912,275,966</u>	<u>(1,178,576,307)</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	15,288,181,094	16,138,072,086
Trừ: Các khoản lợi nhuận không chịu thuế	(2,033,235,255)	(343,561,366)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	970,339,404	181,512,572
Thu nhập chịu thuế	14,225,285,243	15,976,023,292
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,556,321,311	3,994,005,823
Thuế thu nhập doanh nghiệp những năm trước	792,261,139	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4,348,582,450</u>	<u>3,994,005,823</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận sau thuế	10,939,598,644	12,144,066,263
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(524,927,169)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10,939,598,644	11,619,139,094
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	3,380,986	3,380,986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3,236</u>	<u>3,437</u>

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1,374,545,456</u>	<u>1,494,545,455</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1,374,545,455	1,374,545,455
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>2,749,090,909</u>	-
	<u>4,123,636,364</u>	<u>1,374,545,455</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54,815,444,779	23,885,713,980
Phải thu khách hàng	69,924,136,408	98,973,687,722
Các khoản ký quỹ	153,000,000	153,000,000
	124,892,581,187	123,012,401,702
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	300,000,000	3,288,826,179
Phải trả người bán và phải trả khác	6,581,265,425	11,661,902,533
Chi phí phải trả	8,241,152,343	10,756,779,287
	15,122,417,768	25,707,507,999

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ "USD"	10,128,533,556	3,811,506,046	149,555,905	2,014,413,255
Euro "EUR"	374,286,462	350,734,090	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Euro

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
USD	199,579,553	35,941,856
EUR	7,485,729	7,014,682

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay vì phần lớn các khoản vay của Công ty được ký kết với cá nhân với mức lãi suất cố định. Ngoài ra, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng được thể hiện ở số dư tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54,815,444,779	-	54,815,444,779
Phải thu khách hàng	69,924,136,408	-	69,924,136,408
Các khoản ký quỹ	-	153,000,000	153,000,000
	<u>124,739,581,187</u>	<u>153,000,000</u>	<u>124,892,581,187</u>
31/12/2013			
Vay ngắn hạn	300,000,000	-	300,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	6,581,265,425	-	6,581,265,425
Chi phí phải trả	8,241,152,343	-	8,241,152,343
	<u>15,122,417,768</u>	<u>-</u>	<u>15,122,417,768</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>109,617,163,419</u>	<u>153,000,000</u>	<u>109,770,163,419</u>

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,885,713,980	-	23,885,713,980
Phải thu khách hàng	98,973,687,722	-	98,973,687,722
Các khoản ký quỹ	-	153,000,000	153,000,000
	<u>122,859,401,702</u>	<u>153,000,000</u>	<u>123,012,401,702</u>
31/12/2012			
Vay ngắn hạn	3,288,826,179	-	3,288,826,179
Phải trả người bán và phải trả khác	11,661,902,533	-	11,661,902,533
Chi phí phải trả	10,756,779,287	-	10,756,779,287
	<u>25,707,507,999</u>	<u>-</u>	<u>25,707,507,999</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>97,151,893,703</u>	<u>153,000,000</u>	<u>97,304,893,703</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ sở hữu
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Tru	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhiệt điện 2	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 1	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 5	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện 6	Công ty cùng Tập đoàn

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	Công ty cùng Tập đoàn
Ban QLDA vay vốn ADB	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	Công ty cùng Tập đoàn
CN Tổng công ty TTD Quốc Gia - CtyTTĐ4	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ĐTPT Điện Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Lưới điện Cao Thế Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Thủy Điện A Vương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Thủy Điện Sông Tranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện (EPTC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Trị An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV - TCT phát điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Truyền tải Điện 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Truyền tải Điện 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Truyền tải Điện 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Truyền tải Điện 4	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TV Xây dựng điện 2	Công ty cùng Tập đoàn
Điện lực Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia	Công ty cùng Tập đoàn
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	Công ty cùng Tập đoàn
Trung tâm Tư vấn Xây dựng Điện - HCM PC	Công ty cùng Tập đoàn
Trung tâm Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Công ty Trung tâm Viễn thông Điện lực	Công ty cùng Tập đoàn

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Doanh thu		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	34,662,318,743	45,967,440,260
Ban QLDA Thủy điện 1	3,233,997,400	15,948,578,150
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	2,955,189,421	15,716,450,886
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	11,223,553,712	12,230,218,189
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	3,723,961,091	12,029,421,092
Ban QLDA Thủy điện 6	11,586,753,766	8,895,120,298
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện	3,901,027,255	7,153,940,141
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	4,854,426,846	5,898,801,519
Công ty Truyền tải Điện 4	7,177,568,574	3,488,336,381
Công ty Thủy Điện Sông Tranh	-	3,018,778,751
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	5,471,086,607	2,963,907,295
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2,449,768,202	2,339,614,613
Ban QLDA Thủy điện 5	-	2,143,289,687
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1,909,352,861	1,373,949,544
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	1,057,475,826
Công ty Truyền tải Điện 3	3,645,589,871	880,850,876
Công ty Thủy điện Trị An	780,000,000	866,000,000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	495,565,455	557,597,273
Ban QLDA các Công trình Điện tỉnh Đồng Nai	-	535,004,004
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	502,562,745
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	385,996,637	487,255,193
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	-	455,431,525
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty	2,055,703,075	398,307,454
Ban QLDA Nhiệt điện 3	10,939,391,027	312,283,636
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1,462,112,984	177,272,727
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	174,427,845
Ban QLDA Nhiệt điện 2	293,760,000	78,956,037
Công ty Truyền tải Điện 1	-	42,019,293
Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc Gia	-	420,756
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	1,403,454,546	-
Công ty TNHH MTV - TCT phát điện 3	1,125,568,011	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	4,187,777,029	-
Công ty Lưới điện Cao Thế Miền Trung	235,422,903	-
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	328,689,758	-
Công ty CP Thủy Điện A Vương	746,784,545	-
Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM	534,526,365	-
Công ty Mua bán điện (EPTC)	1,914,616,930	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	4,514,230,563	-
Công ty Truyền tải Điện 2	9,090,909	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	472,727,273	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	196,342,549	-
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai	110,793,953	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	253,608,737	-
Chia cổ tức		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>2,473,735,500</u>	<u>3,298,314,000</u>

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>1.727.387.547</u>	<u>1.995.539.224</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Phải thu		
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	6,089,123,295	37,860,471,206
Ban QLDA Thủy điện 1	1,783,145,975	9,211,078,012
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	4,425,556,524	8,405,771,024
Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	3,138,704,549	3,006,126,749
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	3,287,806,388	2,847,588,851
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	890,923,117	1,914,263,193
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	2,497,557,968	1,856,182,608
Ban QLDA Thủy điện 6	8,174,994,307	1,758,910,589
Ban QLDA Thủy điện 3	-	1,736,424,322
Ban QLDA Nhiệt điện 2	1,803,920,622	1,480,784,622
Công ty Truyền tải Điện 2	985,588,569	1,168,655,555
Công ty Thủy điện Trị An	858,000,000	952,600,000
Ban QLDA Thủy điện 5	-	725,335,264
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	1,345,776,666	521,886,916
Ban QLDA các Công trình điện tỉnh Đồng Nai	478,581,205	509,085,815
Công ty Truyền tải Điện 3	-	507,987,751
Ban QLDA Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	2,676,605,807	481,888,070
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - TCT Phát điện 3	875,068,000	479,128,000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	941,542,868	445,977,413
Công ty Truyền tải Điện 1	-	213,688,222
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	770,421,411	207,091,690
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	1,752,624,057	156,573,704
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	30,550,656	152,650,147
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Phú Mỹ	-	140,974,677
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	112,000,000
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	1,147,313,709	14,246,200
Ban QLDA vay vốn ADB	-	1,410,549
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	36,155,874	-
Công ty CP Thủy điện A Vương	821,463,000	-
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	217,478,923	-
Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	13,285,938	-
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	520,000,000	-
Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	587,979,002	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	1,186,477,314	-
Công ty TV Xây dựng điện 2	507,373,636	-

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

Tp. Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 3 năm 2014

